

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN
LỚP CDDĐ9A

GV PHỤ TRÁCH: CN. Giang Thị Mỹ Kiều

Tín chỉ: 2

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình						ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			10%	10%	20%									
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2	KT3							
1	1510010001	Nguyễn Như Ái	8.0	9.0	8.2	7.0	8.0	7.9	5.8	6.6	C	Trung bình		
2	1510010002	Phạm Trường An	8.0	9.0	8.2	8.0	7.0	7.9	4.0	5.6	C	Trung bình		
3	1510010003	Huỳnh Tuấn Anh	8.5	9.0	8.5	9.0	8.0	8.6	5.4	6.7	C	Trung bình		
4	1510010078	Đào Hồng Chi	8.0	9.0	8.2	8.5	8.0	8.3	3.4	5.4	D	Trung bình yếu		
5	1510010006	Thạch Thị Xuân Đào	7.0	10.0	8.5	8.0	7.0	8.0	3.1	5.1	D	Trung bình yếu		
6	1510010008	Huỳnh Tấn Dương	8.0	9.0	8.7	8.0	7.0	8.1	5.6	6.6	C	Trung bình		
7	1510010077	Phạm Hải Điền	7.0	10.0	8.2	8.0	7.0	7.9	3.7	5.4	D	Trung bình yếu		
8	1510010010	Trần Ngọc Hân	7.0	10.0	8.5	8.0	7.0	8.0	6.9	7.3	B	Khá		
9	1510010080	Nguyễn Ngọc Huyền	8.0	9.0	9.0	8.0	7.0	8.1	3.8	5.5	C	Trung bình		
10	1510010014	Nguyễn Thị Cẩm Hường	8.0	8.0	8.2	8.0	7.0	7.8	6.6	7.1	B	Khá		
11	1510010015	Vũ Khánh	8.0	9.0	8.5	8.0	7.0	8.0	6.3	7.0	B	Khá		
12	1510010016	Phan Hải Lam	8.0	9.0	8.7	7.0	7.0	7.8	4.4	5.8	C	Trung bình		
13	1510010017	Lê Xuân Lâm	8.0	9.0	9.0	8.5	7.0	8.3	6.5	7.2	B	Khá		
14	1510010063	Nguyễn Thanh Liêm	8.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.4	3.4	5.4	D	Trung bình yếu		
15	1510010020	Thái Lê Hoài Linh	8.0	9.0	8.2	8.0	7.0	7.9	6.1	6.8	C	Trung bình		
16	1510010022	Nguyễn Thanh Loan	8.5	9.0	8.5	8.0	7.0	8.1	3.7	5.5	C	Trung bình		
17	1510010058	Danh Hoàng Lực	8.0	9.0	9.0	8.0	7.0	8.1	4.3	5.8	C	Trung bình		
18	1510010070	Danh Ngọc Mai	8.0	9.0	9.0	8.0	7.0	8.1	7.1	7.5	B	Khá		
19	1510010024	Lê Huỳnh Diễm Mi	8.0	9.0	9.0	8.5	8.0	8.5	3.7	5.6	C	Trung bình		
20	1510010026	Phan Thị Mơ	8.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.4	6.4	7.2	B	Khá		
21	1510010028	Thạch Thúy Ngân	8.5	9.0	8.2	9.0	8.0	8.5	0.0	3.4	F	Kém	Vắng	
22	1510010030	Trần Thị Ngoãn	8.0	9.0	8.5	7.0	7.0	7.8	3.1	5.0	D	Trung bình yếu		
23	1510010032	Trương Kim Ngôn	7.0	10.0	8.5	8.0	8.0	8.3	7.6	7.9	B	Khá		
24	1510010034	Phan Ngọc Nhiễm	8.5	9.0	8.5	9.0	7.0	8.3	4.6	6.1	C	Trung bình		
25	1510010036	Trần Thị Huỳnh Như	8.0	9.0	8.2	8.0	7.0	7.9	6.6	7.1	B	Khá		
26	1510010038	Hứa Minh Nhựt	7.0	10.0	8.5	8.0	7.0	8.0	4.3	5.8	C	Trung bình		
27	1510010040	Trịnh Hoàng Phi	8.0	9.0	9.0	8.0	8.0	8.4	5.4	6.6	C	Trung bình		
28	1510010041	Lâm Mỹ Phụng	8.5	9.0	9.0	8.0	8.0	8.4	5.1	6.4	C	Trung bình		
29	1510010075	Son Tài	8.0	9.0	8.2	7.0	7.0	7.7	3.3	5.1	D	Trung bình yếu		
30	1510010043	Phạm Văn Tâm	8.0	9.0	9.0	8.0	7.0	8.1	6.6	7.2	B	Khá		
31	1510010045	Lê Hiệp Thành	8.5	9.0	8.5	9.0	7.0	8.3	4.6	6.1	C	Trung bình		
32	1510010047	Lê Cẩm Thi	8.5	9.0	9.0	9.0	7.0	8.4	6.7	7.4	B	Khá		
33	1510010049	Nguyễn Hồng Thoa	8.0	8.0	8.2	8.0	8.0	8.1	4.1	5.7	C	Trung bình		
34	1510010051	Bùi Gia Toàn	8.5	9.0	9.0	8.0	7.0	8.2	5.9	6.8	C	Trung bình		
35	1510010052	Nguyễn Thị Cẩm Tú	8.0	9.0	8.5	8.5	8.0	8.4	5.2	6.5	C	Trung bình		
36	1510010074	Trần Ngọc Tú	8.0	9.0	9.0	7.0	8.0	8.1	4.9	6.2	C	Trung bình		
37	1510010054	Kim Thanh Tùng	8.0	9.0	8.5	8.5	7.0	8.1	5.1	6.3	C	Trung bình		

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình					ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			10%	10%	20%								
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2	KT3						
38	1510010056	Phạm Thị Tường Vi	8.5	9.0	8.5	8.0	7.0	8.1	4.6	6.0	C	Trung bình	
39	1510010072	Trần Như Ý	8.5	9.0	8.7	8.0	8.0	8.4	3.8	5.6	C	Trung bình	

Ghi chú: Danh sách này có 39 sinh viên; đạt yêu cầu: 39, không đạt yêu cầu: 0

Xếp loại học tập: Giỏi: 0 Khá: 10 Trung bình 22 TB yếu 6 Kém: 1
Điểm tổng kết = (Trung bình kiểm tra * 4 + Trung bình thi * 6)/10 Bạc Liêu, ngày 20 tháng 12 năm 2016
PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH GV PHỤ TRÁCH LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng Giang Thị Mỹ Kiều Huỳnh Điền Côn